

TÁC ĐỘNG CỦA SỰ KHÍCH LỆ TỪ CHA MẸ TRONG HỌC TẬP TỚI LO ÂU HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Tống Trà Giang¹, Dương Nguyễn Hà Vy¹, Nguyễn Văn Lược²

¹Trường Trung học phổ thông Chu Văn An, Hà Nội; ²Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này nhằm tìm hiểu mối liên hệ giữa sự khích lệ từ cha mẹ và mức độ lo âu học tập của học sinh. Mẫu nghiên cứu gồm 400 học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó 39,8% giới tính nam, 56,5% giới tính nữ và 3,8% giới tính khác. Mức độ lo âu trong học tập của học sinh được đánh giá bằng thang đo Lo âu học tập (*The Academic Anxiety Scale*) của Jerrell Cassady (2020); sự khích lệ của cha mẹ dành cho con cái ở các khía cạnh nội dung, hình thức khích lệ và sự phù hợp hay không phù hợp của sự khích lệ với trẻ được nhóm thiết kế dựa trên các tài liệu hiện có. Kết quả cho thấy, 91,2% học sinh báo cáo mức độ lo âu trong học tập ở các mức độ khác nhau; 13,2% sự biến thiên của lo âu trong học tập được giải thích bởi các chiều cạnh khác nhau của khích lệ. Sự khích lệ không phù hợp của cha mẹ về năng lực của học sinh tác động mạnh nhất tới lo âu học tập của các em ($\beta = 0,16$), tiếp theo là khích lệ không phù hợp về cảm xúc và mong muốn của học sinh với hệ số hồi quy lần lượt là $\beta = 0,14$ và $\beta = 0,12$. Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng sự khích lệ từ cha mẹ dành học sinh trong học tập cần chú ý tới yếu tố phù hợp với cá nhân học sinh.

Từ khóa: Sự khích lệ từ cha mẹ; Lo âu học tập; Học sinh trung học phổ thông.

Ngày nhận bài: 29/3/2025; Ngày duyệt đăng bài: 25/10/2025.

1. Đặt vấn đề

Cha mẹ có vai trò quan trọng với sự phát triển của con cái nói chung, sự học tập của các em nói riêng. Theo Kumar (2013), sức khỏe thể chất và tinh thần của trẻ được duy trì nhờ môi trường gia đình tốt. Thành tích học tập của trẻ chịu tác động tích cực từ môi trường gia đình cung cấp đầy đủ tình yêu thương, sự chăm sóc, tình cảm, sự nuôi dưỡng, sự bảo vệ và quyền tự do thể hiện. Syed và Seiffge-Krenke (2013) cũng đã chỉ ra rằng tính cách của mỗi cá nhân thường được hình thành trong giai đoạn trẻ thơ và bộc phát một cách mạnh mẽ trong giai đoạn vị thành niên, từ 14 - 24 tuổi. Do vậy, sự giáo dục của cha mẹ là cực kỳ cần thiết trong giai đoạn trẻ thơ và giai đoạn trưởng thành của con trẻ. Một trong những hành vi tham gia của cha mẹ với con cái chính là sự khích lệ, đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến sự khích lệ của cha mẹ trong học tập... Nghiên cứu khác cũng đã chỉ ra sự công nhận của học sinh về sự tham gia của cha mẹ có đóng góp trong thành công của học sinh ở trường với năm nhóm chủ đề đã được xác định thông qua phân tích: hỗ trợ tâm lý xã hội, giám sát việc học ở trường, hỗ trợ thực tế; cho thấy nhu cầu được khích lệ trong học tập của học sinh và sự đa dạng của

các chiều cạnh kích lệ (Schmid và Garrels, 2021). Nghiên cứu của Vimal Kishor (2014) cũng đã cho thấy có mối quan hệ tích cực và đáng kể giữa sự khuyến khích của cha mẹ và thành tích học tập của học sinh trung học công lập và tư thục. Động lực học tập của thanh thiếu niên nữ là kết quả của sự ảnh hưởng từ sự kích lệ từ cha mẹ (Bashir và Majeed, 2016). Theo Jennifer Henderlong và Mark R. Leeper (2002), lời khen của cha mẹ sẽ có tính tăng cường động lực nội tại của con cái khi các thông điệp ngăn chặn sự không phù hợp, tính tự chủ được thúc đẩy, năng lực được nhận thức và lòng tự tin được nâng cao mà không cần phải sử dụng nhiều quá sự so sánh xã hội và khi các tiêu chuẩn và kỳ vọng thực tế được truyền đạt. Từ cơ sở những nghiên cứu thực tiễn nêu trên, nhóm nghiên cứu khẳng định tầm quan trọng của sự kích lệ từ cha mẹ đối với con. Theo Sweeney (2009), kích lệ là cung cấp sự kích lệ là truyền cảm hứng hoặc giúp đỡ người khác, đặc biệt là hướng tới niềm tin rằng họ có thể làm việc để tìm ra giải pháp và họ có thể đối phó với bất kỳ tình huống khó khăn nào. Theo đó, nhóm nghiên cứu đưa ra khái niệm kích lệ từ cha mẹ trong học tập được hiểu là sự truyền cảm hứng hoặc giúp đỡ của cha mẹ dành cho con, đặc biệt là hướng đến niềm tin rằng con có thể tìm ra giải pháp và có thể đối mặt với các tình huống khó khăn, có tiến bộ và phát triển ở môi trường học tập.

Theo nghiên cứu của Viện Xã hội học, Đại học Queensland và Trường Y tế Công cộng Bloomberg, Đại học Johns Hopkins điều tra sức khỏe tâm thần vị thành niên Việt Nam (2022), cho thấy có đến 21,7% số trẻ vị thành niên Việt Nam có vấn đề về sức khỏe tâm thần. Nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Anh Vũ và cộng sự (2023) đã chỉ ra áp lực học tập có mối liên quan với lo âu ở học sinh trung học phổ thông, cụ thể có 35,9% học sinh chịu áp lực học tập ở mức độ nhẹ; 30,6% chịu áp lực học tập ở mức độ trung bình và 33,5% chịu áp lực học tập ở mức độ nặng. Nghiên cứu trên cũng đã chỉ ra rằng so với học sinh chịu áp lực học tập ở mức độ nhẹ thì những học sinh chịu áp lực học tập ở mức độ vừa có tỷ lệ lo âu cao gấp 2 lần và những em chịu áp lực học tập ở mức độ nặng có tỷ lệ lo âu gấp 3,79%. Lo âu học tập có mối tương quan chặt chẽ với rối loạn lo âu (Hoàng Thị Thanh Huệ và Ngô Thanh Huệ, 2021). Có nhiều nguyên nhân gây ra lo âu ở học sinh trung học phổ thông, trong đó 4 nguyên nhân chính bao gồm nhóm nguyên nhân liên quan đến học tập, gia đình, quan hệ xã hội, bản thân học sinh (Nguyễn Thị Hằng Phương, 2009). Bên cạnh đó, lo âu học tập gây ra nhiều tác động tiêu cực tới học sinh. Theo Rachna Sharma (2017), lo âu học tập có mối liên hệ tiêu cực với sức khỏe tinh thần của học sinh, tức là khi lo âu học tập tăng, thì sức khỏe tinh thần sẽ giảm. Kết luận này đồng nhất với nghiên cứu của Mohd Shakir (2014). Chính vì vậy, dựa trên các nghiên cứu đi trước (Luttenberger và cộng sự, 2018) và dựa trên phân tích hoạt động đặc trưng của học sinh trung học phổ thông, nhóm nghiên cứu cho rằng lo âu học tập của học sinh trung học phổ thông là trạng thái căng thẳng, lo lắng hoặc sợ hãi liên quan tới quá trình tiếp thu kiến thức và kỹ năng mới. Sự lo âu này có thể xuất phát từ áp lực đạt thành tích cao, sợ thất bại, lo lắng về đánh giá của người khác hoặc cảm giác không đủ năng

lực để học một môn học hoặc kỹ năng nào đó. Đồng thời có nhiều nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề kỳ vọng của cha mẹ tới lo âu của học sinh. Khi sự kỳ vọng trong giáo dục của cha mẹ vượt quá so với khả năng của con thì sẽ ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức giáo dục và chứng trầm cảm của học sinh (Liu và cộng sự, 2022). Theo Subramani và Venkatachalam (2019), nguồn gốc của căng thẳng trong học tập là kỳ vọng từ cha mẹ và sợ hãi thất bại trong bài kiểm tra.

Từ tổng quan về lo âu học tập và sự khích lệ của cha mẹ, nhóm tác giả đặt ra giả thuyết về mối liên hệ giữa sự khích lệ của cha mẹ và lo âu học tập ở học sinh. Nhiều nghiên cứu trước đã chứng minh mối liên hệ này. Ví dụ như Gautam và Sharma (2024) cho thấy mức độ tham gia tích cực của cha mẹ có thể làm giảm lo âu học tập của thanh thiếu niên. Sự tham gia này thường liên quan đến các hành vi hỗ trợ giáo dục của cha mẹ nhằm cải thiện và nâng cao kết quả học tập của trẻ (Cross và cộng sự, 2018; Oranga và cộng sự, 2023). Tương tự, Zimmer-Gembeck và cộng sự (2023) ghi nhận rằng thanh thiếu niên nhận được nhiều hỗ trợ từ cha mẹ có xu hướng sử dụng chiến lược đối phó hiệu quả hơn và cảm thấy thoải mái hơn trước căng thẳng trong học tập. Mahajan (2015) cũng chỉ ra mối tương quan nghịch giữa căng thẳng trong học tập và sự khích lệ của cha mẹ đối với học sinh trung học: nếu không có sự chấp thuận hoặc hỗ trợ của cha mẹ, trẻ em không thể đối phó với áp lực do các hoạt động liên quan đến học tập tạo ra và do đó không thể đạt kết quả tốt trong học tập. Ngoài ra, Barger và cộng sự (2019) nhấn mạnh rằng sự tham gia của cha mẹ đặc biệt quan trọng đối với sự điều chỉnh học tập của trẻ, nhưng hình thức hỗ trợ cần phù hợp với từng giai đoạn phát triển và nhu cầu của trẻ. Một số nghiên cứu khác lại cho thấy tác động đa dạng của lời khen. Xing và cộng sự (2018) phát hiện trẻ được khen về nỗ lực có mức độ lo âu khi làm bài kiểm tra cao hơn nhóm không được khen. Bên cạnh đó, Morris và Zentall (2014) cho thấy các hình thức khen không lời, như cử chỉ, mang lại động lực tích cực và bền vững hơn so với khen có đặc điểm bằng lời: trẻ sẽ có xu hướng kiên trì hơn sau khi mắc lỗi, có đánh giá tích cực hơn về sản phẩm của mình và không bị ám ảnh bởi lỗi sai. Những kết quả này đặt ra vấn đề về sự đa dạng của hình thức khích lệ và tác động khác nhau của chúng đối với lo âu học tập. Trong nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu tiếp cận sự khích lệ của cha mẹ đối với học sinh trung học phổ thông qua ba khía cạnh: nội dung, hình thức khích lệ và mức độ phù hợp với năng lực cũng như mong muốn của học sinh.

Trong bối cảnh ở Việt Nam, có thể thấy các nghiên cứu chỉ ra mối liên quan giữa khích lệ từ cha mẹ và lo âu học tập của học sinh còn hạn chế. Ở Việt Nam, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về sức khỏe tâm thần của học sinh trung học phổ thông (Nguyễn Thị Hằng Phương, 2009; Nguyễn Thị Hoa, 2021; Trần Thị Mỹ Lương, 2020; Hồ Thị Trúc Quỳnh và Nguyễn Thanh Hùng, 2022); sự kỳ vọng của cha mẹ trong giáo dục con lứa tuổi học sinh trung học cơ sở (Lê Văn Hào, 2023); kỳ vọng của phụ huynh và mức độ căng thẳng tâm lý của học sinh trung học phổ thông (Nguyễn Thị Nhân Ái và Tô Thị Hoan, 2014); sự khích lệ của cha mẹ với con lứa tuổi học sinh trung học cơ sở (Nguyễn Thị Phương Hoa,

2021). Tuy nhiên, có thể thấy các nghiên cứu về mối liên hệ giữa sự khích lệ của cha mẹ tới lo âu học tập của học sinh trung học phổ thông vẫn còn là một khoảng trống. Nghiên cứu này nhằm lấp đầy khoảng trống trên. Nghiên cứu sẽ tập trung trả lời 3 câu hỏi: (1) Thực trạng khích lệ của cha mẹ đối với học sinh THPT như thế nào?; (2) Thực trạng lo âu học đường ở học sinh THPT như thế nào và (3) Sự khích lệ của cha mẹ có tác động như thế nào tới lo âu học tập của học sinh trung học phổ thông?

2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành bằng hình thức khảo sát trực tuyến. Dữ liệu được thu thập trong tháng 10/2024. Nhóm nghiên cứu đã gửi khảo sát trực tuyến với 408 học sinh đang theo học tại các trường THPT, gồm trường công lập, nội thành và ngoại thành Hà Nội. Trong đó, 15,8% học sinh thuộc Trường THPT Chu Văn An, 38,3% học sinh thuộc Trường THPT Lý Thường Kiệt và 45,9% thuộc các trường THPT khác.

Sau khi loại bỏ 8 phiếu trả lời không hợp lệ do bỏ quá nhiều thông tin, số mẫu nghiên cứu cuối cùng gồm 400 học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể: về giới tính, gồm 159 nam (39,8%), 226 nữ (56,5%), và 15 khách thể báo cáo giới tính khác (3,8%); về lớp học, có 13 học sinh học lớp 10 (chiếm 3,3%), 179 học sinh lớp 11 (chiếm 44,8%) và 208 học sinh lớp 12 (chiếm 52,0%).

2.2. Công cụ đo lường

2.2.1. Thang đo Sự khích lệ của cha mẹ dành cho học sinh trong học tập

Để đo lường mức độ khích lệ của cha mẹ dành cho học sinh trong học tập, dựa trên nghiên cứu của Y. Joel Wong (2015) và kinh nghiệm quan sát thực tiễn hành vi khích lệ mà cha mẹ dành cho học sinh, nhóm nghiên cứu đã tiến hành xây dựng thang đo “Sự khích lệ của cha mẹ trong học tập” gồm 8 tiêu thang đo tương ứng với 3 chiều cạnh lớn trong sự khích lệ: hình thức, nội dung và sự phù hợp của khích lệ từ cha mẹ với con cái, với chung 4 mức độ đánh giá (1- Không bao giờ thực hiện; 2- Hiếm khi thực hiện; 3- thỉnh thoảng thực hiện và 4- Thường xuyên thực hiện). Điểm của thang đo và các tiêu thang đo được tính dựa trên điểm trung bình (M) của các item tạo thành thang đo và tiêu thang đo. Cụ thể, các tiêu thang của thang đo Khích lệ như sau:

- Tiêu thang đo *Hình thức khích lệ bằng lời nói* gồm 3 item là các trường hợp phổ biến về hình thức lời nói thể hiện sự khích lệ mà cha mẹ thường đưa ra cho con cái trong học tập, được xây dựng dựa trên cơ sở thực tiễn. Ví dụ “*Cha mẹ đưa ra lời khen sau khi bạn đạt được thành tích trong học tập*”. Trong nghiên cứu này, tiêu thang đo có độ tin cậy là 0,70.

- Tiêu thang đo *Hình thức khích lệ bằng hành vi* gồm 4 item để đánh giá thực trạng các hành vi thể hiện sự khích lệ mà cha mẹ dành cho con cái trong học

tập. Một số ví dụ về item được nêu ra là: “*Cha mẹ có các cử chỉ bằng ngôn ngữ cơ thể (ôm, hôn, vỗ vai...) để công nhận thành tựu con đạt được trong học tập*”; “*Cha mẹ thưởng quà, thưởng tiền (mặt vật chất, hữu hình) cho con nhằm động viên tinh thần của con sau khi con đạt được thành tựu/điểm số cao trong thi cử*”... Tiêu thang đo có độ tin cậy là 0,71.

- Tiêu thang đo *Nội dung khích lệ về năng lực học tập* gồm 4 item để đánh giá thực trạng nội dung khích lệ của cha mẹ về năng lực học tập của con cái. Một số ví dụ về các item được nêu ra là: “*Trước kỳ thi, bạn nhận được lời khuyên khích cố gắng đạt điểm cao hơn từ cha mẹ*”; “*Bạn nhận được sự khích lệ từ cha mẹ về việc tham gia vào các hoạt động học tập có phân thách thức (giải bài tập nâng cao, tham gia kỳ thi học sinh giỏi,...)*”. Tiêu thang đo có độ tin cậy là 0,85.

- Tiêu thang đo *Nội dung khích lệ về cảm xúc* gồm 4 item, có độ tin cậy là 0,83. Tiêu thang nhằm đánh giá thực trạng nội dung khích lệ của cha mẹ về cảm xúc của con cái trong học tập. Một số ví dụ về các item như: “*Cha mẹ khích lệ bạn giải tỏa cảm xúc tiêu cực trong học tập*”; “*Khi bạn xuất hiện cảm xúc buồn bã, cha mẹ có khích lệ bằng giọng điệu phù hợp (nhẹ nhàng, tâm tình)*”.

- Tiêu thang đo *Nội dung khích lệ về mong muốn cá nhân của học sinh trong học tập* gồm 2 item, có độ tin cậy là 0,65. Tiêu thang này được thiết kế để đánh giá thực trạng nội dung khích lệ của cha mẹ dành cho những mong muốn của con cái trong học tập. Nội dung về các item là: “*Cha mẹ đưa ra các lời khuyên, khích lệ bạn đạt các mục tiêu cao*”; “*Cha mẹ ủng hộ nguyện vọng trong học tập của bạn*”.

- Tiêu thang đo *Sự khích lệ không phù hợp về năng lực học tập* gồm 4 item, có độ tin cậy là 0,75 đảm bảo độ hiệu lực trong việc đánh giá thực trạng mức độ không phù hợp của sự khích lệ của cha mẹ với khía cạnh năng lực học tập ở con cái. Một số ví dụ về các item trong tiêu thang đo là: “*Biết điểm của bài kiểm tra, cha mẹ nói lời khuyên khích bạn lần sau cố gắng đạt điểm cao hơn nhưng vượt xa so với năng lực của bạn*”; “*Thay vì khích lệ sự tiến bộ của bạn trong quá trình, cha mẹ khích lệ bạn tập trung vào thành tích*”...

- Tiêu thang đo *Sự khích lệ không phù hợp về cảm xúc* gồm 4 item, có độ tin cậy là 0,6. Tiêu thang dùng để đánh giá thực trạng mức độ không phù hợp của sự khích lệ của cha mẹ với khía cạnh cảm xúc ở con cái. Một số ví dụ về các item trong tiêu thang đo là: “*Cha mẹ khích lệ bạn học môn học bạn không yêu thích nhiều hơn vì tin rằng học môn đó sẽ giúp ích được cho bạn*”; “*Cha mẹ khích lệ bạn bằng cách so sánh với các bạn cùng lứa*”...

- Tiêu thang đo *Sự khích lệ không phù hợp về mong muốn cá nhân trong học tập* gồm 2 item, có độ tin cậy là 0,61 đảm bảo độ hiệu lực trong việc đánh giá thực trạng mức độ không phù hợp của sự khích lệ của cha mẹ với khía cạnh mong muốn cá nhân ở con cái. Nội dung các item trong tiêu thang đo là: “*Cha mẹ khuyến khích và động viên bạn đạt các thành tích nhưng không biết về mong*

muốn/mục tiêu của bạn trong học tập”; “*Cha mẹ khích lệ bạn phải cố gắng học thật giỏi, điểm số cao để phục vụ cho tương lai theo định hướng của cha mẹ*”.

2.2.2. Thang đo Lo âu

Trong khuôn khổ nghiên cứu, mức độ lo âu học tập của học sinh được đánh giá bằng thang đo Lo âu học tập (The Academic Anxiety Scale) của Jerrell Cassady (2020) gồm 11 mệnh đề tương ứng là 11 biểu hiện khác nhau thể hiện sự lo âu của học sinh trong học tập. Tất cả các mục trong thang đo này đều được đánh giá theo thang điểm Likert 4 điểm, với điểm tổng thể của thang đo thể hiện tổng giá trị phản hồi (1- Không hề giống tôi chút nào; 2- Có phần giống tôi; 3- Khá giống tôi và 4- Rất giống tôi). Mức độ lo âu học tập được tính bằng tổng điểm từ 11 mệnh đề, với điểm quy định mức độ lo âu như sau: điểm từ 11 - 14 là không lo âu; 15 - 20 điểm là lo âu nhẹ; 21 - 29 điểm là lo âu trung bình và 30 - 44 điểm là lo âu cao. Phiên bản tiếng Việt của thang đo đã được thích ứng và chuẩn hóa trên nhiều mẫu khách thể khác nhau với độ tin cậy và hiệu lực cao. Trong nghiên cứu này, độ tin cậy của thang đo theo hệ số Alpha của Cronbach là 0,90.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng sự khích lệ của cha mẹ dành cho học sinh trong học tập

3.1.1. Hình thức khích lệ

Bảng 1: Thực trạng hình thức khích lệ

Các mệnh đề	M (SD)
A. Lời nói	2,85 (0,70)
Cha mẹ đưa ra lời cổ vũ bạn trong việc học tập.	3,01 (0,84)
Cha mẹ đưa ra lời hướng dẫn bạn trong quá trình học tập.	2,61 (0,93)
Cha mẹ đưa ra lời khen sau khi bạn đạt được thành tích trong học tập.	2,94 (0,91)
B. Hành vi	2,26 (0,73)
Cha mẹ tham gia trực tiếp hỗ trợ và đồng hành cùng con trong việc học tập (chỉ dạy bài học khó cho con, giúp con tìm lớp học, các cuộc thi...)	2,45 (0,97)
Cha mẹ có các cử chỉ bằng ngôn ngữ cơ thể (ôm, hôn, vỗ vai...) để công nhận thành tựu con đạt được trong học tập.	2,11 (1,02)
Cha mẹ thưởng quà, thưởng tiền (mặt vật chất, hữu hình) cho con nhằm động viên tinh thần của con sau khi con đạt được thành tựu/điểm số cao trong thi cử.	2,72 (0,97)
Cha mẹ viết thư hoặc thể hiện sự khích lệ động viên con qua việc viết và đăng post nói về con với mọi người.	1,78 (0,98)

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, theo báo cáo của học sinh, trong số hai hình thức khích lệ là bằng “lời nói” và “hành vi” thì cha mẹ sử dụng hình thức khích lệ bằng “lời nói” với tần suất cao hơn so với hình thức khích lệ bằng “hành vi” với điểm trung bình của từng hình thức lần lượt là 2,85 và 2,25. Trên thang điểm

cao nhất là 4, thấp nhất là 1, cho thấy, mức độ cha mẹ sử dụng các hình thức khích lệ này chủ yếu ở mức “thình thoảng thực hiện”.

3.1.2. Nội dung khích lệ

Bảng 2: Thực trạng nội dung khích lệ

Các mệnh đề	M (SD)
A. Năng lực học tập	2,85 (0,82)
1. Trước kỳ thi, bạn nhận được lời khuyên khích cố gắng đạt điểm cao hơn từ cha mẹ.	2,98 (0,95)
2. Bạn nhận được lời khuyên khích lần sau cố gắng được điểm cao hơn.	2,89 (0,98)
3. Bạn nhận được sự khích lệ từ cha mẹ khi có tiến bộ trong học tập.	2,84 (0,98)
4. Bạn nhận được sự khích lệ từ cha mẹ về việc tham gia vào các hoạt động học tập có phân thách thức (giải bài tập nâng cao, cuộc thi).	2,70 (1,02)
B. Cảm xúc trong học tập	2,49 (1,00)
1. Cha mẹ lắng nghe, chia sẻ với bạn trước những khó khăn trong học tập.	2,56 (1,05)
2. Cha mẹ khích lệ bạn giải tỏa cảm xúc tiêu cực trong học tập.	2,42 (1,12)
C. Mong muốn cá nhân	3,16 (0,77)
1. Cha mẹ đưa ra các lời khuyên, khích lệ bạn đạt các mục tiêu cao.	3,25 (0,86)
2. Cha mẹ ủng hộ nguyện vọng của bạn.	3,08 (0,92)

Về thực trạng nội dung khích lệ, học sinh trung học phổ thông đang nhận được sự khích lệ của cha mẹ về mặt mong muốn cá nhân trong học tập, với mức độ điểm trung bình khảo sát được là 3,16 trên thang điểm tối đa là 4 và mức độ thấp nhất thuộc về cảm xúc của các em trong học tập với điểm trung bình là 2,25 điểm trên thang điểm tối đa là 4. Như vậy, có thể thấy, học sinh trung học phổ thông ở Hà Nội nhận được mức khích lệ từ cha mẹ ở các mức độ khác nhau nhưng các vấn đề về mặt cảm xúc của học sinh trong vấn đề học tập chưa được cha mẹ thật sự quan tâm. Bên cạnh đó, xét trong mặt năng lực học tập, cha mẹ cũng thường lấy điểm số để khích lệ con.

3.1.3. Sự phù hợp của khích lệ từ cha mẹ với con cái

Về sự không phù hợp của sự khích lệ từ cha mẹ với học sinh. Dữ liệu từ bảng 3 cho thấy thực trạng khích lệ không phù hợp của cha mẹ đang ở mức khá cao (trên thang điểm tối đa là 4) ở tất cả các chiều cạnh về năng lực học tập, cảm xúc trong học tập và mong muốn cá nhân với điểm trung bình lần lượt là 2,30; 2,34 và 2,25. Qua các biểu hiện cho thấy, sự không phù hợp theo đánh giá của học sinh chủ yếu liên quan tới việc cha mẹ khích lệ năng lực học tập của các em

nhưng “vượt xa so với năng lực” của các em hoặc tham gia quá nhiều cuộc thi; về mặt cảm xúc là khích lệ học quá nhiều các môn kể cả các môn các em không thích, so sánh với bạn bè, v.v...

Bảng 3: *Thực trạng sự không phù hợp của sự khích lệ cha mẹ dành cho học sinh*

Các mệnh đề	M (SD)
A. Năng lực học tập	2,30 (0,76)
1. Biết điểm của bài kiểm tra, cha mẹ nói lời khuyên khích bạn lần sau cố gắng đạt điểm cao hơn nhưng vượt xa so với năng lực của bạn.	2,39 (0,94)
2. Cha mẹ khích lệ bạn tham gia tất cả các cuộc thi, kể cả cuộc thi mà bạn không có thể mạnh, để đạt nhiều thành tích, cộ sát.	2,36 (1,04)
3. Thay vì khích lệ sự tiến bộ của bạn trong quá trình, cha mẹ khích lệ bạn tập trung vào thành tích.	2,18 (1,06)
4. Cha mẹ khích lệ bạn làm các bài tập nâng cao nhiều hơn so với năng lực hiện tại, để tăng khả năng học tập.	2,27 (1,04)
B. Cảm xúc học tập	2,34 (0,64)
1. Cha mẹ khích lệ bạn học môn học bạn không yêu thích nhiều hơn vì tin rằng học môn đó sẽ giúp ích được cho bạn.	2,20 (1,06)
2. Cha mẹ khích lệ bạn bằng cách so sánh với các bạn cùng lứa.	2,34 (1,07)
3. Khi bạn xuất hiện cảm xúc buồn bã, cha mẹ có khích lệ bằng giọng điệu phù hợp (nhẹ nhàng, tâm tình).	2,66(0,98)
4. Cha mẹ khích lệ bạn hoàn thành nhiệm vụ học tập mà không quan tâm cảm xúc của bạn khi làm nhiệm vụ đó (sợ hãi, áp lực, chán nản...).	2,18 (1,05)
C. Mong muốn học tập	2,25 (0,59)
1. Cha mẹ khuyên và động viên bạn đạt các thành tích nhưng không biết về mong muốn/mục tiêu của bạn trong học tập.	2,12 (1,00)
2. Cha mẹ khích lệ bạn phải cố gắng học thật giỏi, điểm số cao để phục vụ cho tương lai theo định hướng của cha mẹ.	2,36 (1,07)

Ghi chú: 1 = Không bao giờ thực hiện; 2 = Hiếm khi thực hiện; 3 = thỉnh thoảng thực hiện; 4 = Thường xuyên thực hiện.

3.2. Thực trạng lo âu học tập của học sinh

Dữ liệu ở bảng 4 cho thấy có 91,2% học sinh báo cáo mức độ lo âu trong học tập từ nhẹ tới cao, chỉ có 8,8% học sinh báo cáo không có lo âu trong học tập. Cụ thể, cứ khoảng 10 học sinh thì có khoảng 4 học sinh báo cáo có lo âu học tập ở mức trung bình (39,9%). Đáng báo động là có khoảng 1/4 học sinh báo cáo họ lo âu học tập ở mức cao (cụ thể là 25,2%). Có thể thấy, phần lớn học sinh đều có lo âu học tập và được thể hiện ở các biểu hiện khác nhau.

Bảng 4: Kết quả thực trạng mức độ lo âu học tập ở học sinh

Các mức độ lo âu học tập	Khoảng giá trị	Số lượng	Phần trăm (%)
1. Không lo âu	11 - 14	35	8,8
2. Lo âu nhẹ	15 - 20	108	27,0
3. Lo âu trung bình	21 - 29	156	39,0
4. Lo âu cao	30 - 44	101	25,2
Tổng		400	100,0

3.3. Tác động của kích lệ của cha mẹ tới lo âu học tập của học sinh

Dữ liệu ở bảng 5 chỉ ra tương quan giữa các chiều cạnh của kích lệ và lo âu trong học tập theo báo cáo của các em học sinh. Điều đáng chú ý là các kết quả phân tích tương quan cho thấy, có mối tương quan giữa *sự kích lệ không phù hợp* về năng lực học tập; về cảm xúc và mong muốn cá nhân trong học tập với lo âu trong học tập của các em học sinh với hệ số tương quan cụ thể là 0,29; 20,25 và 0,29.

Về mối liên hệ giữa *sự kích lệ của cha mẹ và mức độ lo âu, căng thẳng trong học tập của học sinh*, Gautam và Sharma (2024) đã điều tra tác động của sự tham gia của cha mẹ đối với căng thẳng học tập ở thanh thiếu niên, trong đó sự tham gia này được hiểu là các hành vi hỗ trợ giáo dục nhằm cải thiện kết quả học tập của trẻ (Cross và cộng sự, 2018; Oranga và cộng sự, 2023). Nghiên cứu của Gautam và Sharma (2024) kết luận rằng mức độ tham gia cao của cha mẹ - thể hiện qua tần suất thực hiện các hành vi hỗ trợ tích cực - có liên quan đến mức độ căng thẳng học tập thấp hơn ở học sinh, qua đó nhấn mạnh vai trò quan trọng của sự đồng hành nhất quán từ cha mẹ trong giáo dục và hỗ trợ tâm lý học sinh. Ngoài ra, Patall và cộng sự (2008) chỉ ra rằng sự tham gia của cha mẹ, xét về dài hạn, góp phần thúc đẩy khả năng tham gia vào các hoạt động tự tiếp thu và tự điều chỉnh của học sinh thông qua việc khuyến khích các phương pháp học tập như lập kế hoạch, đặt mục tiêu, quản lý thời gian và duy trì sự tập trung. Kết quả phân tích tương quan trong nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với các phát hiện trước đây: khi cha mẹ kích lệ phù hợp với năng lực, cảm xúc và mong muốn học tập của con, thì mức độ lo âu học tập của học sinh có xu hướng giảm. Đồng thời, dựa trên dữ liệu khảo sát và quan sát thực tế, chúng tôi nhận thấy ba khía cạnh - cảm xúc, mong muốn và năng lực học tập - đều có ý nghĩa quan trọng trong việc lý giải tác động của sự kích lệ. Do đó, nghiên cứu đặt ra giả thuyết về tầm quan trọng của sự kích lệ từ cha mẹ đối với lo âu học tập của học sinh xét theo ba phương diện trên.

Bảng 5: Tương quan giữa các chiều cạnh của kích lệ với lo âu học tập

Các mệnh đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Hình thức kích lệ bằng lời nói	1								
2. Hình thức kích lệ bằng hành vi	0,65***	1							
3. Nội dung kích lệ về năng lực học tập	0,77	0,60***	1						
4. Nội dung kích lệ về cảm xúc	0,62***	0,61***	0,67***	1					
5. Nội dung kích lệ về mong muốn cá nhân trong học tập	0,61***	0,50***	0,63***	0,59***	1				
6. Sự kích lệ không phù hợp khi kích lệ về năng lực học tập	0,18***	0,21***	0,32***	0,18***	0,14***	1			
7. Sự kích lệ không phù hợp kích lệ về cảm xúc	-0,27***	-0,16***	-0,21***	-0,39***	-0,30***	0,38***	1		
8. Sự không phù hợp kích lệ về mong muốn cá nhân trong học tập	0,05	0,09	0,09	0,03	-0,04***	-0,57***	-0,48***	1	
9. Lo âu học tập	-0,02	0,08	0,02	0,04	-0,05	0,29***	0,25***	0,29***	1

Ghi chú: $N = 400$; *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$.

Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy thực trạng sự kích lệ từ cha mẹ nếu không được thể hiện không đúng cách, phù hợp với cá nhân học sinh ở 3 chiều cạnh chính (*năng lực học tập, mong muốn, cảm xúc trong học tập*) thì sẽ vô tình hình thành áp lực, kỳ vọng mà gia đình đặt ra cho con cái, gia tăng lo âu học tập hơn. Một số biểu hiện của sự kích lệ không đúng cách tương đương được các nghiên cứu khác chỉ ra: hành vi của cha mẹ, đáng chú ý nhất là kiểm soát quá mức, thiếu sự ấm áp và thể hiện sự lo lắng, đã được chứng minh là có liên quan đến các mô hình phát triển và duy trì các rối loạn lo âu ở trẻ em và thanh thiếu niên (Mahajan, 2015). Mỗi cha mẹ có khả năng kích lệ riêng và về cơ bản, mức độ kích lệ này sẽ ảnh hưởng đến mức độ lo âu học tập của học sinh theo những mức độ và hướng tác động không giống nhau.

Sự tác động của các chiều cạnh kích lệ của cha mẹ tới lo âu học tập của học sinh được thể hiện ở bảng dữ liệu số 6 dưới đây:

Bảng 6: Phân tích hồi quy dự đoán các chiều cạnh của kích lệ tới lo âu học tập của học sinh

Các chiều cạnh của kích lệ trong học tập học sinh nhận được	Sự lo âu trong học tập			
	B	SE	β	t
1. Hình thức kích lệ bằng lời nói	-1,04	0,90	-0,10	-1,16
2. Hình thức kích lệ bằng hành vi	1,09	0,71	0,10	1,53
3. Nội dung kích lệ về năng lực học tập	-0,24	0,79	-0,03	-0,30
4. Nội dung kích lệ về cảm xúc	0,90	0,57	0,12	1,57
5. Nội dung kích lệ về mong muốn	-0,74	0,65	-0,07	-1,14
6. Sự không phù hợp của kích lệ về năng lực	1,53	0,63	0,16	2,45*
7. Sự không phù hợp của kích lệ về cảm xúc	1,72	0,77	0,14	2,25*
8. Sự không phù hợp của kích lệ về mong muốn	0,53	0,27	0,12	1,93*
<i>F</i>	7,45**			
<i>R</i> ²	0,132			
<i>Adjusted R</i> ²	0,12			
<i>Durbin-Watson</i>	1,86			

Ghi chú: *Biến phụ thuộc:* Lo âu học tập; *Biến độc lập:* Các chiều cạnh kích lệ về hình thức, nội dung và sự phù hợp đối với học sinh trung học phổ thông; *B:* Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa; *β :* Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa; **: $p < 0,01$.

Từ dữ liệu bảng 6 chúng tôi rút ra một số nhận xét sau đây: (1) Mô hình phân tích hồi quy có ý nghĩa thống kê $F(8,391) = 7,45$; $p < 0,01$. Không có hiện

tượng đa cộng tuyến và tự tương quan trong mô hình (chỉ số Durbin-Watson = 1,84; VIF = 1,72 - 3,21) (Andy Field, 2009); (2) Xét về tổng thể, 13,2% sự biến thiên của lo âu trong học tập được giải thích bởi các chiều cạnh của sự kích lệ (nội dung, hình thức, sự không phù hợp); (3) Trong số 8 biến độc lập (các chiều cạnh của sự kích lệ) thì có 3 biến là sự kích lệ không phù hợp về năng lực, cảm xúc và mong muốn có tác động có ý nghĩa thống kê trong việc dự đoán sự thay đổi/biến đổi của lo âu trong học tập ở học sinh. Như vậy, các chiều cạnh của nội dung và hình thức kích lệ không tác động có ý nghĩa thống kê tới lo âu học tập mà chỉ có sự kích lệ không phù hợp của cha mẹ với học sinh là tác động tới lo âu học tập của các em và (4) Xét về hệ số tác động của từng kiểu/dạng kích lệ không phù hợp đến lo âu học tập cho thấy, nếu sự kích lệ không phù hợp về khía cạnh năng lực tăng lên 1 điểm thì lo âu học tập tăng 1,53 điểm; Nếu sự kích lệ không phù hợp về khía cạnh cảm xúc tăng lên 1 điểm thì lo âu học tập tăng 1,72 điểm; Nếu sự kích lệ không phù hợp về khía cạnh mong muốn tăng lên 1 điểm thì lo âu học tập tăng 0,53 điểm. Khi so sánh về hệ số tác động (dựa trên hệ số hồi quy đã chuẩn hóa - β) của từng khía cạnh của kích lệ không phù hợp tới lo âu học tập, chúng tôi nhận thấy sự kích lệ không phù hợp của cha mẹ về năng lực của học sinh tác động mạnh nhất tới lo âu học tập của các em ($\beta = 0,16$), tiếp theo là kích lệ không phù hợp về cảm xúc và mong muốn với hệ số hồi quy lần lượt là $\beta = 0,14$ và $\beta = 0,12$.

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định các nhân tố “sự kích lệ không phù hợp về năng lực, cảm xúc, mong muốn” có tương quan thuận với mức độ lo âu học tập của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nghiên cứu có ý nghĩa trong việc chỉ ra sự kích lệ của cha mẹ dành cho con cái trong học tập phải có sự phù hợp về 3 yếu tố năng lực, cảm xúc, mong muốn cá nhân của con trong học tập bởi sự kích lệ nếu không phù hợp sẽ có khả năng làm gia tăng lo âu học tập ở học sinh. Những kết quả này phù hợp với các lý thuyết nghiên cứu đã tổng hợp, mô hình hóa các nhân tố tác động, cũng như đánh giá đo lường từng nhân tố của sự kích lệ tác động tới mức độ lo âu học tập của học sinh. Về mặt thực tiễn, những phát hiện các nhân tố tác động từ sự kích lệ của cha mẹ tới lo âu học tập của học sinh góp phần làm cơ sở để phụ huynh đưa ra các quyết định về các hình thức, nội dung và xem xét yếu tố kích lệ phù hợp với lứa tuổi học sinh trung học phổ thông. Từ kết quả nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng cha mẹ cần thực hiện sự kích lệ sao cho phù hợp với con của mình. Đồng thời, sự kích lệ từ cha mẹ dành cho học sinh cần cải thiện tần suất cũng như cần có sự cân nhắc về sự kích lệ phù hợp với học sinh ở ba mặt: năng lực học tập, cảm xúc, mong muốn cá nhân trong học tập của học sinh.

4. Kết luận

(1) Theo báo cáo của học sinh, về lo âu trong học tập, có 91,2% học sinh trong mẫu khảo sát báo cáo mức độ lo âu trong học tập từ nhẹ tới cao, chỉ có 8,8% học sinh báo cáo không có lo âu trong học tập. Xét về sự kích lệ của cha mẹ đối

với học sinh trong học tập cho thấy, về nội dung, cha mẹ thực hiện sự khích lệ học sinh trung học phổ thông trong học tập ở các chiều cạnh năng lực, cảm xúc và mong muốn cá nhân; về hình thức, cha mẹ thực hiện sự khích lệ về lời nói cao hơn so với sự khích lệ về hành vi. Học sinh cũng báo cáo sự khích lệ của cha mẹ không phù hợp ở các chiều cạnh năng lực, cảm xúc và mong muốn cá nhân.

(2) Sự khích lệ không phù hợp của cha mẹ về năng lực của học sinh tác động mạnh nhất tới lo âu học tập của các em, tiếp theo là khích lệ không phù hợp về cảm xúc và sự khích lệ không phù hợp về mong muốn của học sinh. Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng sự khích lệ cha mẹ dành học sinh cần chú ý tới sự phù hợp với học sinh về năng lực, cảm xúc và mong muốn của từng học sinh.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Nhân Ái và Tô Thị Hoan (2014). Mối liên hệ giữa mức độ kỳ vọng của phụ huynh và mức độ căng thẳng tâm lý của học sinh THPT. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc: Sức khỏe tâm thần trường học*. Đồng Nai, 7-8 tháng 6 năm 2014, tr. 593-609.
2. Lê Văn Hào (Chủ biên) (2023). *Quan niệm và kỳ vọng của cha mẹ trong giáo dục con lứa tuổi học sinh trung học cơ sở*. NXB Khoa học xã hội.
3. Nguyễn Thị Phương Hoa (2021). Sự khích lệ của cha mẹ đối với con lứa tuổi trung học cơ sở. *Tạp chí Tâm lý học*, số 12, tr. 42-55.
4. Nguyễn Thị Hoa (2021). Lo âu thi cử ở học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Tâm lý học*, số 11, tr. 14-25.
5. Hoàng Thị Thanh Huệ, Ngô Thanh Huệ (2021). Lo âu học tập và mối liên hệ với rối loạn lo âu ở học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, số 48, tr. 54-58.
6. Trần Thị Mỹ Lương (2020). Rối loạn lo âu ở học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, số 40, tr. 122-131.
7. Nguyễn Thị Hằng Phương (2009). Nghiên cứu nguyên nhân gây ra rối loạn lo âu ở học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Tâm lý học*, số 6, tr. 57-63.
8. Hồ Thị Trúc Quỳnh và Nguyễn Thanh Hùng (2022). Cô đơn và đau khổ tâm lý ở học sinh trung học phổ thông Thừa Thiên - Huế. *Tạp chí Tâm lý học*, số 2, tr. 45-59.
9. Viện Xã hội học, Đại học Queensland và Trường Y tế Công cộng Bloomberg, Đại học Johns Hopkins (2022). *Điều tra sức khỏe tâm thần vị thành niên Việt Nam: Báo cáo kết quả chủ yếu*. Viện Xã hội học, Hà Nội, Việt Nam.
10. Nguyễn Hoàng Anh Vũ và cộng sự (2023). Áp lực học tập và mối liên quan với lo âu ở học sinh trung học phổ thông thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Y học Cộng đồng Việt Nam*, 64(9), tr. 4-64.

Tài liệu tiếng Anh

11. Barger, M. M., Kim, E. M., Kuncel, N. R., & Pomerantz, E. M. (2019). The relation between parents' involvement in children's schooling and children's adjustment: A meta-analysis. *Psychological Bulletin*, *145*(9), 855-890. DOI: 10.1037/bul0000201.
12. Bashir, H., & Majeed, S. (2016). Investigation of the relationship between achievement motivation and parental encouragement of adolescent girls in district Anantnag. *The International Journal of Indian Psychology*, *3*(2), 104-112.
13. Cassady, J. C. (2020). *Academic Anxiety Scale*. Academic Anxiety Resource Center. <https://sites.bsu.edu/aarc/research/academic-anxiety-scale>.
14. Cross, F. L., Marchand, A. D., Medina, M., Villafuerte, A. & Rivas-Drake, D. (2018). Academic socialization, parental educational expectations, and academic self efficacy among latino Adolescents. *Psychology in the Schools*, *56*, 483-496.
15. Field, A. (2009). *Discovering statistics using SPSS (3rd ed.)*. SAGE Publications.
16. Gautam, B. & Sharma, V. (2024). Effect of parental involvement on academic stress among adolescents. *International Journal of Indian Psychology*, *12*(4), 001-006. DIP:18.01.001.20241204, DOI:10.25215/1204.001 effect of parental involvement on academic stress among adolescents.
17. Henderlong, J., & Lepper, M. R. (2002). The effects of praise on children's intrinsic motivation: A review and synthesis. *Psychological Bulletin*, *128*(5), 774-795. <https://doi.org/10.1037/0033-2909.128.5.774>.
18. Kishor, V. (2014). Parental encouragement. *Research Journal of Humanities and Social Sciences*, *5*(2), 176-179.
19. Kumar, A. (2013). Relationship of academic anxiety among adolescents in relation to their home environment. *International Journal for Research in Education*, *2*(7), 32-37.
20. Liu, M., Zhang, T., Tang, N., Zhou, F., Tian, Y. (2022). The effect of educational expectations on children's cognition and depression. *Int. J. Environ. Res. Public Health*, *19*, 14070. <https://doi.org/10.3390/ijerph192114070>.
21. Luttenberger, S., Wimmer, S., & Peachter, M. (2018). Spotlight on math anxiety. *Psychology Research and Behaviour Management*, *11*, 311-322.
22. Mahajan, G. (2015). Academic anxiety of secondary school students in relation to their parental encouragement. *International Journal of Research in Humanities and Social Sciences*, *3*(4), 23-29.
23. Morris, B. J., & Zentall, S. R. (2014). High fives motivate: The effects of gestural and ambiguous verbal praise on motivation. *Frontiers in Psychology*, *5*, 928.
24. Oranga, J., Matere, A. & Nyakundi, E. (2023). Importance and Types of Parental Involvement in Education. *Open Access Library Journal*, *10*(8), 1-9. DOI: 10.4236/oa.lib.1110512.

25. Patall, E. A., Cooper, H., & Robinson, J. C. (2008). The effects of choice on intrinsic motivation and related outcomes: A meta-analysis of research findings. *Psychological Bulletin*, 134(2), 270-300. <https://doi.org/10.1037/0033-2909.134.2.270>.
26. Schmid, E., & Garrels, V. (2021). Parental involvement and educational success among vulnerable students in vocational education and training. *Educational Research*, 63(4), 456-473. <https://doi.org/10.1080/00131881.2021.1988672>.
27. Shakir, M. (2014). Academic anxiety as a correlate of academic achievement. *Journal of Education and Practice*, 5(10), 29-36.
28. Sharma, R. (2017). Relationship between academic anxiety and mental health among adolescents. *International Journal of Research in Humanities, Arts and Literature (IMPACT: IJRHAL)*, 5(11), 113-120.
29. Subramani, C., & Venkatachalam, J. (2019). Sources of academic stress among higher secondary school students. *Int. Rev. Soc. Sci. Humanit*, 9, 488-492.
30. Sweeney, T. J. (2009). *Adlerian counseling and psychotherapy: A practitioner's approach*. New York, NY: Taylor & Francis.
31. Syed, M., & Seiffge-Krenke, I. (2013). Personality development from adolescence to emerging adulthood: Linking trajectories of ego development to the family context and identity formation. *Journal of Personality and Social Psychology*, 104(2), 371-384. <https://doi.org/10.1037/a0030070>.
32. Wong, Y. J. (2015). The psychology of encouragement: Theory, research, and applications. *The Counseling Psychologist*, 43(2), 178-216.
33. Xing, S., Gao, X., Jiang, Y., Archer, M., & Liu, X. (2018). Effects of ability and effort praise on children's failure attribution, self-handicapping, and performance. *Frontiers in Psychology*, 9, 1883.
34. Zimmer-Gembeck, M. J., Skinner, E. A., Scott, R. A., Ryan, K. M., Hawes, T., Gardner, A. A., & Duffy, A. L. (2023). Parental support and adolescents' coping with academic stressors: A longitudinal study of parents' influence beyond academic pressure and achievement. *Journal of Youth and Adolescence*, 52(12), 2464-2479.